

Số: 621/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;
Theo đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ vừa làm vừa học cho 161 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	55
2	Nuôi trồng thủy sản	05
3	Kỹ thuật xây dựng	05
4	Ngôn ngữ Anh	32
5	Kế toán	47
6	Công nghệ thực phẩm	17
Tổng cộng		161

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

(Theo Quyết định số: 621/QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 6 năm 2020)

1. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	18DT0117	Nguyễn Tuấn	Anh	26/10/1989	Nam Định	Khá	BL18CDT
2	18DT0128	Nguyễn Văn	Báo	23/09/1991	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
3	18DT0100	Nguyễn Văn	Chương	10/12/1988	Hà Tĩnh	Khá	BL18CDT
4	18DT0118	Nguyễn Đình	Công	15/05/1990	Quảng Nam	Khá	BL18CDT
5	18DT0101	Trần Khánh	Dur	03/05/1982	Hà Nam	Khá	BL18CDT
6	18DT0111	Đặng Văn	Hải	20/10/1989	Nghệ An	Khá	BL18CDT
7	18DT0116	Hứa Phùng Thanh	Hải	30/10/1993	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
8	18DT0103	Đặng Văn	Hóa	10/05/1984	Nghệ An	Khá	BL18CDT
9	18DT0106	Phạm Quang	Huy	21/10/1984	Lâm Đồng	Giỏi	BL18CDT
10	18DT0115	Nguyễn Đình	Khánh	03/09/1990	Quảng Ngãi	Khá	BL18CDT
11	18DT0108	Phạm Hoài	Linh	29/09/1981	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
12	18DT0123	Trần Tiến	Lực	30/12/1977	Thái Bình	Khá	BL18CDT
13	18DT0121	Trần Triệu	Minh	24/02/1992	Đồng Nai	Khá	BL18CDT
14	18DT0124	Hồ Đình	Minh	07/03/1991	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
15	18DT0136	Lê Phan Đạt	Minh	25/04/1987	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
16	18DT0122	Nguyễn Hoàng	Nam	23/11/1989	Quảng Ninh	Giỏi	BL18CDT
17	18DT0129	Trần Trung	Nhân	18/09/1983	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
18	18DT0113	Trương Mai	Phong	31/12/1983	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
19	18DT0126	Nguyễn Vinh	Quang	19/08/1993	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
20	18DT0127	Thế Như	Quang	21/09/1987	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
21	18DT0109	Huỳnh Thanh	Sang	30/10/1985	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
22	18DT0119	Nguyễn Từ	Tấn	10/10/1985	Quảng Ninh	Khá	BL18CDT
23	18DT0120	Nguyễn Văn	Thắng	15/09/1988	Thanh Hóa	Khá	BL18CDT
24	18DT0132	Nguyễn Nho	Toàn	22/02/1979	Quảng Nam	Khá	BL18CDT
25	18DT0133	Nguyễn Xuân	Toàn	12/10/1988	Nghệ An	Khá	BL18CDT
26	18DT0130	Nguyễn Tiến	Trung	11/11/1991	Nghệ An	Khá	BL18CDT
27	18DT0110	Vũ Đức	Trương	05/01/1976	Hà Nam	Khá	BL18CDT
28	18DT0112	Trần Đình	Tùng	05/10/1986	Bình Định	Giỏi	BL18CDT
29	18DT0134	Phạm Thanh	Tùng	22/08/1985	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
30	18DT0137	Hồ Thanh	Tùng	08/05/1988	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
31	18DT0135	Ngô Quang	Tuyền	31/03/1988	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
32	18DT0125	Lê Thị	Xuyến	21/07/1989	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
33	18DT0102	Nguyễn Tiến	Đức	03/02/1982	Hà Nội	Khá	BL18CDT
34	18DT0107	Huỳnh Tấn	Đức	25/10/1982	Lâm Đồng	Khá	BL18CDT
35	17DT0100	Đinh Sơn	Bình	09/11/1979	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
36	17DT0101	Hà Đình	Dũng	22/02/1980	Lâm Đồng	Giỏi	NS17TDT
37	17DT0102	Phan Tiến	Dũng	13/02/1986	Ninh Thuận	Giỏi	NS17TDT
38	17DT0103	Nguyễn Minh	Hùng	10/03/1983	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
39	17DT0104	Trần Văn	Hùng	02/06/1982	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
40	17DT0121	Phạm Nguyễn Quốc	Huy	16/04/1990	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
41	17DT0105	Nguyễn Văn	Kiệt	09/07/1982	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
42	17DT0122	Võ Văn	Mỹ	09/02/1990	TT- Huế	Khá	NS17TDT
43	17DT0107	Nguyễn Thành	Nam	05/12/1991	Quảng Ninh	Khá	NS17TDT
44	17DT0108	Nguyễn Thanh	Nhân	01/02/1983	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
45	17DT0109	Thái Bá	Nhi	24/10/1989	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
46	17DT0110	Nguyễn Văn	Phê	26/12/1983	Ninh Thuận	Giỏi	NS17TDT

goc

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
47	17DT0111	Nguyễn Hồng	Quân	10/11/1983	Thanh Hóa	Khá	NS17TDT
48	17DT0113	Nguyễn Đình	Thắng	10/04/1980	Nghệ An	Khá	NS17TDT
49	17DT0126	Bùi Văn	Thanh	15/07/1987	Nghệ An	Khá	NS17TDT
50	17DT0114	Trần Đức	Thông	20/08/1991	Đắk Lắk	Khá	NS17TDT
51	17DT0125	Huỳnh	Thừa	19/11/1991	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
52	17DT0124	Nguyễn Ngọc	Thuần	01/07/1993	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
53	17DT0117	Nguyễn Minh	Trung	01/05/1988	Đồng Nai	Khá	NS17TDT
54	17DT0127	Trần Công	Ty	10/03/1984	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT
55	17DT0120	Võ Hoàng Anh	Vương	03/12/1990	Ninh Thuận	Khá	NS17TDT

Danh sách gồm 55 sinh viên.

2. Ngành: Nuôi trồng thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	CM15NT0100	Nguyễn Thanh	Bảnh	12/10/1994	Cà Mau	Khá	CM15NTT
2	CM15NT0103	Huỳnh Bảo	Duy	26/05/1985	Cà Mau	Khá	CM15NTT
3	CM15NT0126	Hồ Hoài	Thương	20/02/1995	Cà Mau	TB Khá	CM15NTT
4	CM15NT0130	Nguyễn Hoàng	Vinh	04/12/1994	Cà Mau	TB Khá	CM15NTT
5	18NT0207	Lê Văn	Khánh	29/02/1996	Bạc Liêu	Khá	CT17CNT

Danh sách gồm 05 sinh viên.

3. Ngành: Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16XD221	Đỗ Nguyễn Xuân	Hải	28/01/1985	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TXD
2	17XD0150	Nguyễn Ngọc	Anh	24/07/1986	Khánh Hòa	TB Khá	NT17TXD1
3	17XD0158	Bùi Minh	Chức	01/06/1997	Bình Định	TB Khá	NT17TXD1
4	17XD0159	Phan Thành	Lực	19/08/1989	Khánh Hòa	TB Khá	NT17TXD1
5	17XD0157	Trương Thành	Đạt	22/02/1997	Khánh Hòa	TB Khá	NT17TXD1

Danh sách gồm 05 sinh viên.

4. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17TA1023	Lê Thị Thanh	Huyền	25/10/1978	Nghệ An	Khá	NA17B2TA
2	PR17B2115	Nguyễn Xuân	Thái	26/07/1987	Quảng Trị	TB Khá	PR17B2TA
3	PR17B2147	Quảng Ngọc Mỹ	Trần	24/12/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR17B2TA
4	18B20136	Bùi Tuấn	Anh	25/02/1993	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
5	18B20137	Nguyễn Hồng Minh	Châu	01/10/1995	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
6	18B20101	Dương Thành	Công	08/08/1979	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
7	18B20153	Trần Trung	Dũng	16/07/1977	Hà Nội	Khá	PR18B2TA
8	18B20133	Phạm Trung	Hiếu	21/10/1994	Lâm Đồng	Khá	PR18B2TA
9	18B20149	Phạm Minh	Hiếu	30/01/1995	Lâm Đồng	Khá	PR18B2TA
10	18B20139	Đỗ Duy	Hoàng	08/07/1992	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
11	18B20148	Huỳnh Thị Kim	Kim	09/11/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR18B2TA
12	18B20132	Nguyễn Hoàn	Luân	26/01/1995	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
13	18B20107	Nguyễn Hải	Lý	12/07/1993	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
14	18B20109	Phạm Thị Ngọc	Mỹ	13/08/1984	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
15	18B20112	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/04/1993	Ninh Thuận	Giỏi	PR18B2TA
16	18B20114	Nguyễn Văn	Quang	10/02/1972	Ninh Thuận	TB Khá	PR18B2TA
17	18B20130	Đặng Duy	Quốc	10/01/1976	Ninh Thuận	TB Khá	PR18B2TA

90

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
18	18B20117	Nguyễn Công	Tâm	06/03/1985	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
19	18B20129	Hoàng Kim	Thị	30/10/1976	Thanh Hóa	Khá	PR18B2TA
20	18B20143	Nguyễn Hoàng	Thịnh	21/11/1992	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
21	18B20120	Trần Minh	Thọ	23/01/1995	Lâm Đồng	Giỏi	PR18B2TA
22	18B20122	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thủy	29/04/1987	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
23	18B20123	Hồ Thủy	Tiên	15/07/1990	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
24	18B20124	Trần Thủy	Tiên	09/11/1992	Ninh Thuận	Giỏi	PR18B2TA
25	18B20144	Mai Diệp Ngọc	Trâm	06/01/1983	Ninh Thuận	TB Khá	PR18B2TA
26	18B20145	Dương Thị Minh	Trâm	20/11/1993	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
27	18B20126	Bùi Minh	Trần	04/10/1991	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
28	18B20146	Ktor Thị Kiều	Trang	01/04/1991	Bình Thuận	Khá	PR18B2TA
29	18B20127	Nguyễn Đức Hoàng	Trung	15/05/1994	Bình Thuận	Giỏi	PR18B2TA
30	18B20154	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	20/08/1994	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
31	18B20134	Nguyễn Văn	Vinh	10/10/1978	Ninh Thuận	Khá	PR18B2TA
32	18B20150	Nguyễn Sỹ	Đức	04/05/1995	Lâm Đồng	Giỏi	PR18B2TA

Danh sách gồm 32 sinh viên.

5. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	13DN0080	Nguyễn Lê	Phuong	27/10/1987	Ninh Thuận	Trung bình	PR13TDN
2	18DN0100	Trịnh Trần Bảo	Anh	16/08/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
3	18DN0101	Đinh Thị Ngọc	Ánh	28/10/1979	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
4	18DN0102	Phạm Thị Kim	Ánh	02/12/1981	Nghệ An	Khá	PR18TDN
5	18DN0104	Trương Thị Khánh	Châu	13/08/1982	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
6	18DN0141	Lê Thị	Châu	20/05/1985	Thanh Hóa	TB Khá	PR18TDN
7	18DN0149	Lê Thị	Dung	01/09/1994	Nghệ An	TB Khá	PR18TDN
8	18DN0152	Dương Thị Thu	Dung	02/07/1995	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
9	18DN0147	Quảng Thị Ngọc	Hân	24/12/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
10	18DN0109	Nguyễn Thị Như	Hằng	25/12/1984	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
11	18DN0110	Nguyễn Thị	Hạnh	13/06/1991	Khánh Hòa	TB Khá	PR18TDN
12	18DN0111	Trương Văn	Hồ	10/01/1976	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
13	18DN0155	Hà Thị Tấn	Hoa	10/09/1988	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
14	18DN0156	Ngô Đình	Huân	01/01/1995	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
15	18DN0114	Trần Thị Ngọc	Hương	02/09/1982	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
16	18DN0115	Cao Đăng	Khoa	14/01/1996	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
17	18DN0116	Trần Lê Mạnh	Khoa	25/10/1994	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
18	18DN0117	Võ Thị	Liên	10/04/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
19	18DN0159	Nguyễn Vũ Cẩm	Linh	19/06/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
20	18DN0148	Dương Châu	Long	22/03/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
21	18DN0118	Đặng Thị Xuân	Mai	24/02/1990	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
22	18DN0150	Lê Thị Phương	Mai	10/08/1990	Đắk Lắk	TB Khá	PR18TDN
23	18DN0160	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	10/08/1980	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
24	18DN0161	Nguyễn Thị	Mị	09/07/1990	Thái Bình	TB Khá	PR18TDN
25	18DN0119	Đỗ Thị Trà	My	03/10/1984	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
26	18DN0162	Võ Thị Thanh	Nga	02/02/1975	Bình Định	TB Khá	PR18TDN
27	18DN0172	Võ Thị Kim	Ngân	21/12/1985	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
28	18DN0120	Đỗ Thị Bích	Nguyên	30/03/1988	Ninh Thuận	Khá	PR18TDN

15/10/2023

42

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
29	18DN0122	Lê Thị Yến	Nhi	08/06/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
30	18DN0123	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	29/01/1985	Đồng Tháp	TB Khá	PR18TDN
31	18DN0146	Hồ Thị Hoàng	Oanh	05/09/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
32	18DN0124	Huỳnh Thanh	Phú	15/03/1997	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
33	18DN0125	Nguyễn Thị	Phương	10/11/1986	Hà Tĩnh	TB Khá	PR18TDN
34	18DN0126	Lưu Thị Diễm	Phương	02/06/1980	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
35	18DN0128	Trần Thị	Quyên	01/05/1992	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
36	18DN0130	Lê Thị	Thắm	08/05/1982	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
37	18DN0131	Trần Minh	Thành	22/10/1983	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
38	18DN0133	Nguyễn Thị Bích	Thuận	30/09/1984	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
39	18DN0167	Đào Thị	Thuyền	15/10/1987	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
40	18DN0173	Tô Trần Huyền	Trần	15/10/1981	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
41	18DN0136	Trần Minh Thanh	Trúc	27/02/1990	Ninh Thuận	Khá	PR18TDN
42	18DN0138	Lưu Thị Mộng	Truyền	03/02/1982	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
43	18DN0139	Quảng Thị Huyền	Tuyên	20/11/1984	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
44	18DN0170	Trần Thị Ánh	Tuyết	13/05/1991	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
45	18DN0140	Huỳnh Thị Trúc	Vi	15/03/1991	Ninh Thuận	Khá	PR18TDN
46	18DN0171	Lâm Thành	Vững	04/01/1977	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN
47	18DN0174	Nguyễn Thị Đông	Xuân	25/12/1984	Ninh Thuận	TB Khá	PR18TDN

Danh sách gồm 47 sinh viên.

6. Ngành: Công nghệ thực phẩm

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	18TP0100	Trần Thị Quỳnh	Anh	28/04/1987	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
2	18TP0101	Nguyễn Thị Thúy	Anh	16/10/1985	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
3	18TP0102	Ngô Tấn	Cảnh	27/09/1982	Ninh Thuận	Giỏi	PR18TTP
4	18TP0104	Nguyễn Thị	Hạnh	30/01/1984	Bình Định	Giỏi	PR18TTP
5	18TP0105	Trần Thị	Hiền	16/06/1983	Nghệ An	Khá	PR18TTP
6	18TP0106	Nguyễn Thị	Hoa	17/08/1989	Nghệ An	Khá	PR18TTP
7	18TP0107	Nguyễn Thị Minh	Huyền	08/06/1988	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
8	18TP0108	Võ Thị	Linh	10/09/1984	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
9	18TP0119	Quảng Đại	Lô	21/12/1981	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
10	18TP0109	Huỳnh Thị Kim	Ngân	26/12/1984	Ninh Thuận	Giỏi	PR18TTP
11	18TP0110	Đặng Thị Thu	Nguyệt	02/07/1986	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
12	18TP0111	Lê Thị Thu	Thảo	18/06/1983	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
13	18TP0112	Nguyễn Thị Ngọc	Thất	28/09/1982	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
14	18TP0113	Bạch Ngọc	Thuận	17/04/1984	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
15	18TP0114	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	08/01/1986	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
16	18TP0116	Nguyễn Thị Minh	Truyền	10/10/1987	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP
17	18TP0117	Đàng Năng	Tư	02/05/1984	Ninh Thuận	Khá	PR18TTP

Danh sách gồm 17 sinh viên.

202